

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-ST  
Ngày: 29/5/2018  
V/v: Tranh chấp hợp đồng  
dân sự “Vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Cẩm Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Nhung là thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2017/TLST- DS ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 4 năm 2018, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2018/TB-TĐTGMPT ngày 18/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm: 1953 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp NH, xã ĐH A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

\* Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm: 1980 (Vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp NT, xã ĐH A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/7/2017, 07/8/2017, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn D trình bày: Vào ngày 18/01/2016 âm lịch, chị Lê Thị N có hỏi vay của ông số tiền là 10 triệu đồng, không có làm biên nhận nợ, không có thỏa thuận lãi suất và chị N có hứa là 30 ngày sau sẽ trả nhưng khi đến hạn thì chị N không thực hiện lời đã hứa.

Ông có đến gặp chị N để lấy lại số tiền nói trên thì chị N cứ hẹn hết lần này đến lần khác. Sau đó, ông nhờ chính quyền địa phương giải quyết nhưng hòa giải không thành nên ông yêu cầu đến Tòa án giải quyết.

Khi chị N nghe ông yêu cầu đến Tòa án giải quyết thì chị N có trả được cho ông số tiền là 05 triệu đồng, số còn lại chị N hẹn 01 tháng sau sẽ trả hết nhưng đến

nay chị N không trả, ông liên lạc qua điện thoại nhiều lần nhưng chị N cứ lẩn tránh không nghe điện thoại của ông.

*Tại phiên tòa:* Ông D yêu cầu chị Lê Thị N trả cho ông số tiền vay còn lại là 05 triệu đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Lê Thị N không gửi văn bản ghi ý kiến của chị đối với yêu cầu của ông Lê Văn D. Ngoài ra, chị N vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập lần thứ hai nhưng chị N vẫn vắng mặt không lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị N.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Vào ngày 18/01/2016 âm lịch, chị Lê Thị N có hỏi vay của ông D số tiền là 10 triệu đồng và có hứa là 30 ngày sau sẽ trả nhưng khi đến hạn thì chị N không thực hiện lời đã hứa. Ông D có lại gặp chị N để lấy lại số tiền nói trên thì chị N cứ hẹn hết lần này đến lần khác. Sau đó, ông D nhờ chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi chị N biết được ông khởi kiện thì chị N có trả được cho ông D số tiền là 05 triệu đồng, số còn lại chị N hẹn 01 tháng sau trả hết nhưng đến nay chị N vẫn chưa trả nên ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị N trả cho ông số tiền vay còn lại là 05 triệu đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

2.1 Tại phiên tòa, ông D yêu cầu chị Lê Thị N trả cho ông 01 lần số tiền vay còn nợ lại là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) sau khi án có hiệu lực là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, tại biên bản hòa giải ngày 07/9/2016 (tại ấp NT) chị N xác nhận có vay của ông D số tiền là 10.000.000 đồng, chị chưa trả cho ông D. Sau đó, chị N có trả được cho ông D số tiền là 5.000.000 đồng, còn lại số tiền là 5.000.000 đồng đến nay chị N chưa trả cho ông.

2.2 HĐXX xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án đến chị N được biết và đã được chị N trực tiếp nhận Thông báo nhưng đến nay chị N không gửi ý kiến của chị đối với yêu cầu của ông D và tại phiên tòa chị N vắng mặt nên HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến của chị N. Do đó, HĐXX buộc chị Lê Thị N có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn D số tiền nợ còn lại là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu của ông Lê Văn D được chấp nhận nên hoàn trả lại cho ông D số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà ông đã

nộp theo lai thu số số 0000455 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Buộc chị Lê Thị N phải chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

[4] *Quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng chị Lê Thị N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc chị Lê Thị N trả cho ông Lê Văn D số tiền vay gốc còn nợ lại là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Kể từ ngày ông Lê Văn D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Thị N không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng chị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST:

- Hoàn trả lại cho ông Lê Văn D số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số số 0000455 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc chị Lê Thị N phải chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

3. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/5/2018).

Riêng chị Lê Thị N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Trịnh Thị Cẩm Linh**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Thị Cẩm Linh**